

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2153/QĐ-UBND

Cần Giuộc, ngày 26 tháng 2 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dân cư do Công ty TNHH Nhựa Phước Thành đầu tư tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2005 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 05/7/2005 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định thực hiện một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình, chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ văn bản số 2056/CV-UB ngày 20/05/2004 của UBND tỉnh Long An về việc chấp thuận địa điểm và quy mô diện tích cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành đầu tư xây dựng Khu dân cư tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc;

Xét đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư tại xã Long Hậu của Công ty TNHH Nhựa Phước Thành do Trung tâm Kiến trúc Quy hoạch Đô thị - Nông thôn tỉnh Long An lập được các ngành thông qua theo Biên bản cuộc họp số 04/BB-UBND ngày 08/01/2007;

Xét đề nghị của Phòng Hạ tầng Kinh tế tại Tờ trình số 32/TTr-HTKT ngày 12/02/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư tại xã Long Hậu của Công ty TNHH Nhựa Phước Thành do Trung tâm Kiến trúc Quy hoạch Đô thị Nông thôn Long An lập, với các nội dung sau:

A. VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, QUY MÔ VÀ DIỆN TÍCH KHU QUY HOẠCH:

Khu dân cư Long Hậu của Công ty TNHH Nhựa Phước Thành tọa lạc tại xã Long Hậu, cấp theo đường lộ ấp 3 xã Long Hậu (đường Long Hậu Hiệp Phước) và rạch Bàu Dừa, cách thị trấn Cần Giuộc khoảng 5 km về hướng bắc và tiếp giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phía Bắc giáp: Lộ ấp 3 (Long Hậu - Hiệp Phước).

- Phía Nam giáp: Rạch Bàu Dứa.
 - Phía Tây giáp: Đất nông nghiệp.
 - Phía Đông giáp: Rạch Bàu Dứa.
- Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 145.381 m².

B. HIỆN TRẠNG:

1. Hiện trạng sử dụng đất:

- Đất rạch, mương	:	5.805 m ²	-	4,0%
- Đất lúa	:	119.819 m ²	-	82,4%
- Đất vườn, ĐRM, Ln	:	12.256 m ²	-	8,4%
- Đất thổ cư, T+V	:	7.501 m ²	-	5,2%
Tổng cộng	:	145.381 m²	-	100% .

2. Hiện trạng dân cư và công trình kiến trúc:

Trong khu vực quy hoạch hiện có 12 hộ gia đình đang sinh sống với 12 căn nhà, trong đó:

- Nhà kiên cố: 07 căn;
- Nhà bán kiên cố: 03 căn;
- Nhà tạm: 02 căn.

3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

Khu đất quy hoạch có địa hình bằng phẳng - thấp, phần lớn là đất nông nghiệp.

3.1. Về giao thông:

- Phía bắc khu quy hoạch có đường lộ ấp 3 (đường Long Hậu - Hiệp Phước) mặt trải sỏi đỏ rộng khoảng 2 ÷ 3m, lề cỏ rộng 1,5 ÷ 2m.

- Ngoài ra, còn có một số đường mòn nhỏ vào các hộ gia đình phía trong khu quy hoạch rộng 2 ÷ 3m.

3.2. Cấp điện: Trong khu quy hoạch chưa có hệ thống cấp điện, dân chủ yếu thấp sáng bằng đèn dầu và bình ắc quy.

3.3. Cấp nước: Hiện tại, trong khu quy hoạch chưa có hệ thống cấp nước, các hộ gia đình trong khu vực quy hoạch, chủ yếu sử dụng nước mưa hoặc nước sông, rạch.

3.4. Thoát nước: chưa có hệ thống thoát nước, chủ yếu thoát theo kênh, rạch tự nhiên.

3.5. Cây xanh: chưa có hệ thống cây xanh lấy bóng mát hoặc trang trí tạo cảnh, đa số là đất trồng lúa, lá dứa nước.

3.6. Vệ sinh môi trường: hiện tại là khu vực có dạng môi trường nông nghiệp nông thôn còn sạch, chưa bị ảnh hưởng tác động môi trường.

C. NỘI DUNG QUY HOẠCH (Phương án chọn):

I. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của đồ án:

- Quy mô dân số : 2.380 người.

- Đất xây dựng nhà ở : 67.964 m² – Đạt TB 28,5m²/người
(so với tiêu chuẩn : 15 -18m²/người)

Chia thành 11 khu nhà ở: Tổng số lô : 476 lô.

Diện tích : 67.964 m² - 46,7%

Trong đó:

- Nhà phố (100 m²/1 hộ) : 212 lô, diện tích 21.714 m².

- Nhà liên kế (100÷140 m²/1 hộ): 210 lô, diện tích 22.142 m².

- Nhà vườn (300÷450 m²/1 hộ) : 54 lô, diện tích 24.108 m².

- Đất phục vụ công cộng : 29.022 m² – 20,0% - Đạt TB 12,2 m²/người
(so với tiêu chuẩn: 1,5m²/người)

Trong đó:

• - Đất nhà trẻ, mẫu giáo 3.204 m².

• - Đất siêu thị thương mại 3.708 m².

• - Đất nhà hàng, khách sạn 1.574 m².

• - Đất cây xanh, văn hóa, TDTT 3.190 m².

• - Đất cây xanh công viên 15.496 m².

• - Khu xử lý nước thải 1.850 m².

- Đất công viên cây xanh : 15.496 m² (gồm diện tích bãi cỏ, bồn hoa,
không kể diện tích cây xanh trong khuôn viên nhà vườn) – Đạt TB 6,5 m²/người
(so với tiêu chuẩn: 5-10m²/người)

- Đất giao thông : 48.395 m² – chiếm 33,3% (so với tiêu chuẩn : 15 – 18%),

Bao gồm :

+ Mặt đường : 25.418 m².

+ Vía hè : 22.977 m².

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 100÷130 lít/người.ngàyđêm

(so với tiêu chuẩn: 150-180 lít/người.ng.đ)

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : công suất phụ tải tính toán : 170÷330W
/người/ngàyđêm (so với tiêu chuẩn: 250-300 W/người/ngày đêm)

- Chỉ tiêu thoát nước bẩn : 428 m³/ngày đêm

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt : 80÷104 lít/người.ngàyđêm (bằng 80% nước cấp)

- Chỉ tiêu thông tin liên lạc : Tổng dự trù : 833 máy (35 thuê bao/100 người)

II. Quy hoạch sử dụng đất:

- Đất ở : 67.964 m² (46,7%)

- Đất công trình công cộng: 29.022 m² (20,0%)

- Đất giao thông : 48.395 m² (33,3%)

Tổng cộng : 145.381 m² (100%)

III. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

1. Quy hoạch tổng mặt bằng :

- Có 2 trục đường chính được nối với đường Lộ Ấp 3 (Long Hậu - Hiệp Phước) làm trục giao thông đối ngoại khu quy hoạch đấu nối với các trục đường phụ.

- Đường phụ: Rẽ từ các trục đường chính tạo thành mạng lưới giao thông nội bộ khu quy hoạch, đồng thời hình thành các khu nhà ở, dịch vụ, công cộng, cây xanh ...

- Các công trình dịch vụ công cộng bố trí có tính chất phục vụ chung cho khu vực, có sự liên hệ thuận tiện giữa giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ khu dân cư.

- Công trình thương mại dịch vụ vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi được bố trí trên hướng các trục chính.

- Các khối nhà ưu tiên quay hướng mặt tiền sang đường lớn và hướng Nam Bắc.

- Các dãy nhà phố, nhà liên kế, nhà vườn được quy hoạch mặt tiền quay ra đường chính, tầng nhà và các mái nhà xây dựng có chiều cao thống nhất, có màu sắc hài hòa và linh hoạt.

- Nhà phố xây dựng 2 đến 4 tầng, xây dựng bằng chỉ giới đường đỏ, trùng chỉ giới xây dựng (mật độ xây dựng 90%).

- Nhà liên kế xây dựng 2 đến 3 tầng, xây dựng lùi vào 3 ÷ 4m so với chỉ giới đường đỏ (mật độ xây dựng 70 ÷ 80%).

- Nhà vườn xây dựng 1 đến 2 tầng, xây dựng lùi vào 6 ÷ 8m so với chỉ giới đường đỏ (mật độ xây dựng 40 ÷ 50%).

- Khu vực thương mại dịch vụ, xây dựng phải có khoảng lùi tối thiểu 5m. Mật độ xây dựng 40 ÷ 50%, tầng cao trung bình 3 tầng.

- Khu nhà trẻ - mẫu giáo : xây dựng có khoảng lùi 10m so với chỉ giới đường đỏ. Mật độ xây dựng 30 ÷ 40%, tầng cao trung bình 1,5 tầng.

2. Công trình công cộng :

- Công trình hành chính : không có bố trí

- Công trình văn hóa : không có bố trí

- Các công trình dịch vụ công cộng bố trí có tính chất phục vụ chung cho khu vực, có sự liên hệ thuận tiện giữa giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ khu dân cư.

- Công trình thương mại dịch vụ vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi được bố trí trên hướng các trục đường, tại vị trí trung tâm khu quy hoạch;

- Khu xử lý nước thải tổng diện tích : 1.850 m² , bố trí tập trung và tách biệt ra khỏi khu nhà ở, phục vụ cho toàn khu.

- Công trình y tế : không có bố trí – Sử dụng chung với trạm y tế xã, khi cần thiết có thể sử dụng 1 lô nhà phố để làm trạm xá.

- Công trình giáo dục: không có bố trí – Sử dụng mạng lưới trường học của xã.

- Nhà trẻ, mẫu giáo: phân bổ diện tích đất 3.204m^2 .

3. Cây xanh, công viên, TDTT :

Diện tích đất trồng cây xanh : 15.496 m^2 (gồm diện tích bãi cỏ, bồn hoa, không kể diện tích cây xanh trong khuôn viên nhà vườn), được bố trí tập trung tại vị trí trung tâm, gần khu thương mại, dịch vụ, khu nhà trẻ - mẫu giáo; Ngoài ra cây xanh còn được trồng phân tán theo các trục đường, dãy phân cách.

4. Nhà ở :

Mục đích của đề án này là quy hoạch bố trí dân cư thương mại, theo đồ án quy hoạch chung khu dân cư và công nghiệp xã Long Hậu .

Tổng diện tích đất bố trí cho nhà ở : 67.964 m^2 , được phân chia như sau:

• Khu A: 36 lô. Diện tích 3.685 m^2 .

+ Nhà phố : 26 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 2.685 m^2 .

+ Nhà liên kế: 10 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 1.000 m^2 .

• Khu B: 60 lô. Diện tích 6.054 m^2 .

+ Nhà phố : 30 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.048 m^2 .

+ Nhà liên kế: 30 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.006 m^2 .

• Khu C: 58 lô. Diện tích 5.822 m^2 .

+ Nhà phố : 29 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 2.890 m^2 .

+ Nhà liên kế: 29 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 2.932 m^2 .

• Khu D: 76 lô. Diện tích 7.615 m^2 .

+ Nhà phố : 42 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 4.234 m^2 .

+ Nhà liên kế: 34 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.381 m^2 .

• Khu E: 11 lô. Diện tích 4.931 m^2 .

+ Nhà vườn : 11 lô ($15\text{m} \times 30\text{m}$) = 4.931 m^2 .

• Khu F: 62 lô. Diện tích 6.178 m^2 .

+ Nhà phố : 31 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.089 m^2 .

+ Nhà liên kế: 31 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.089 m^2 .

• Khu G: 56 lô. Diện tích 5.951 m^2 .

+ Nhà phố : 27 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 2.825 m^2 .

+ Nhà liên kế: 29 lô ($5\text{m} \times 20\text{m}$) = 3.126 m^2 .

• Khu H: 23 lô. Diện tích 4.500 m^2 .

+ Nhà liên kế: 16 lô (7m x 20m) = 2.271 m².

+ Nhà vườn : 07 lô (15m x 20m) = 2.229 m².

• Khu K: 58 lô. Diện tích 6.280 m².

+ Nhà phố : 27 lô (5m x 20m) = 2.943 m².

+ Nhà liên kế: 31 lô (5m x 20m) = 3.337 m².

• Khu L: 22 lô. Diện tích 10.129 m².

+ Nhà vườn : 22 lô (15m x 30m) = 10.129 m².

• Khu M: 14 lô. Diện tích 6.819 m².

+ Nhà vườn : 14 lô (15m x 30m) = 6.819 m².

IV. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

1. Giao thông:

- Đường lộ áp 3: lộ giới 51m, mặt đường chính rộng 11mx2, dải phân cách rộng 2m + 8m, vỉa hè 2 bên 5m + 8m. Tổng chiều dài 392 m.

- Đường số 1: lộ giới 29m, mặt đường rộng 7mx2, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè 2 bên 5mx2. Tổng chiều dài 370 m.

- Đường số 2: lộ giới 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Tổng chiều dài 165 m.

- Đường số 3: lộ giới 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Tổng chiều dài 110 m.

- Đường số 4: lộ giới 29m, mặt đường rộng 7mx2, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè 2 bên 5mx2. Tổng chiều dài 176 m.

- Đường số 5: lộ giới 14m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3,5mx2. Tổng chiều dài 80 m.

- Đường số 6: lộ giới 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Tổng chiều dài 130 m.

- Đường số 7: lộ giới 14m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3,5mx2. Tổng chiều dài 232 m.

- Đường số 8: lộ giới 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Tổng chiều dài 360 m.

- Đường số 9: lộ giới 29m, mặt đường rộng 7mx2, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè 2 bên 5mx2. Tổng chiều dài 412m.

- Đường số 10: lộ giới 14m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3,5mx2. Tổng chiều dài 500 m.

- Đường số 11: lộ giới 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè 2 bên 3mx2. Tổng chiều dài 55 m.

- Đường số 12: lộ giới 14m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè 2 bên 3,5mx2. Tổng chiều dài 165 m.

2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- San nền : Thiết kế san nền dựa theo tiêu chuẩn TCVN 4447:1987 : công tác đất - tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

- Chiều cao san nền: 1,7 m.

- Toàn bộ khu vực sẽ được tôn nền đến cao hơn Cos hiện trạng 1,7 m.

- Tổng khối lượng đất san nền ước tính : 250.644 m³.

3. Cấp điện:

3.1. Nguồn điện:

Từ trạm biến thế Cần Giuộc 110KV/22KV - 2x25MVA qua đường dây 15 KV - 22 KV dự kiến cấp theo đường Lộ Ấp 3 dẫn vào khu quy hoạch.

3.2. Mạng lưới:

- Từ tuyến 15 KV - 22 KV dọc theo đường lộ ấp 3 rẽ vào khu quy hoạch đặt vị trí bình biến áp hạ thế trên cột (bình hai bên 400÷560 KVA tùy theo nhu cầu thực tế) cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ của khu quy hoạch.

- Các tuyến trung thế dùng cáp AC - 240 mm² đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 ÷ 14m, khoảng cách trụ trung bình 60m. Các tuyến nhánh phân phối dự kiến dùng cáp AC - 120 mm², sử dụng cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) đi trên trụ bê tông ly tâm cao 8,5m.

- Đèn đường là loại đèn cao áp Sodium 220V - 250V đặt cách mặt đường 9m, cách khoảng trung bình là 30m dọc theo đường. Đối với mặt đường rộng trên 12m đèn được bố trí 2 bên đường, đối với mặt đường rộng từ 12 mét trở xuống, đèn được bố trí một bên đường hoặc 2 bên theo vị trí lệch nhau (xen kẽ vị trí cột).

- Tổng chiều dài đường dây: 7.818 m.

Trong đó:

+ Đường dây trung thế : 392 m

+ Đường dây hạ thế : 3.830 m

+ Đường dây chiếu sáng : 3.596 m.

- Tiêu chuẩn tính toán:

+ Phụ tải: 170W/người (dài hạn : 330 W/người).

+ Số giờ sử dụng công suất lớn nhất: 2.000 giờ/năm.

(dài hạn : 3.000 giờ/năm).

+ Điện năng: 350 KW/người/giờ/năm.

(dài hạn : 1.000 KWh/người/năm)

- Số người tính toán: 2.380 người.

+ Điện năng: 833.000 KWh/năm.

(dài hạn : 2.380.000KWh/năm).

+ Phụ tải	: 404,6 KW	(dài hạn	: 785.4 KW)
- Công suất tính toán:			
+ Dân cư	: 404,6 KW		
+ Công trình công cộng, dịch vụ - công viên	: 217,6 KW		
+ Chiếu sáng đường phố	: 22,0 KW		
+ Hao hụt, dự phòng	: 64,0 KW		
Tổng cộng		: 708,2 KW.	

4. Cấp nước:

4.1. Nguồn nước:

Nguồn cấp nước cho khu quy hoạch là nước ngầm. Trạm khoan giếng xử lý nước cấp đặt tại vị trí cấp theo đường lộ áp 3 nhằm cung cấp nước sạch cho toàn khu đô thị Long Hậu.

- Tiêu chuẩn tính toán : 100 lít/người/ngày đêm.
(dài hạn : 130 lít/người/ngày đêm.)
- Số người tính toán : 2.380 người
- Tổng nhu cầu : 535 m³/ngày đêm.
 - + Dân cư : 309 m³/ngày đêm.
 - + Công cộng : 103 m³/ngày đêm.
 - + Rò rỉ dự phòng : 123 m³/ngày đêm (kể cả tưới cây, đường).

4.2. Mạng lưới:

- Tuyến chính: đường ống cung cấp nước chính được lấy từ tuyến ϕ 200 cấp theo đường lộ áp 3 (dự kiến.)

- Tuyến nhánh: đường ống ϕ 100 rẽ từ ống cấp chính cấp theo vỉa hè các trục đường, ống nhánh ϕ 80, ϕ 60 dẫn đến các ô phố và các công trình hộ dân tiêu thụ.

- Chiều dài các tuyến ống :

ϕ 100 : 94 m

ϕ 80 : 1.426 m

ϕ 60 : 2.893 m.

- Hạng chữa cháy: 14 cái, khoảng cách giữa các hạng từ 120m - 150m.

5. Thoát nước mưa:

- Thoát nước từ sân đường, vỉa hè, mặt đường được thu gom tại vị trí đặt hố ga thu nước xuống các tuyến ống thoát dọc vỉa hè về các tuyến cống chính thoát về cửa xả ra rạch Bàu Dứa.

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt tách riêng.
- Lưu lượng nước thoát: $7.370 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Công thức tính toán thủy lực: $Q = W.q.F \text{ (l/s)}$

W: Hệ số mặt phủ 0,6

q : Cường độ mưa tính toán (l/s ha)

F : Diện tích lưu vực tính (ha)

(Chọn chu kỳ tràn cống 3 năm).

- Mạng lưới: 4.664 m, bao gồm:

$\phi 600$: 3.339 m

$\phi 800$: 1.264 m

$\phi 1000$: 61 m

6. Thoát nước bản: (tách riêng thoát nước mưa).

- Quy hoạch hệ thống thoát nước bản tách riêng hệ thống thoát nước mưa.
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt: $428 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Tiêu chuẩn thoát nước thải bằng 80% nước cấp.
- Hệ thống thoát nước thải:

Bố trí ống $\phi 200$, $\phi 300$ thu gom từ các công trình đưa về tuyến chính $\phi 400$, với tuyến ống thoát nước bản chính khu vực về trạm xử lý, ống hoàn toàn tự chảy.

- Tổng chiều dài: 4.071 m.

Trong đó: $\phi 200$: 3.060 m

$\phi 300$: 905 m

$\phi 400$: 106 m.

- Xử lý nước thải: Nước thải được thu gom về trạm xử lý tập trung khu vực.
- Nước thải được xử lý theo 2 cấp:
 - + Cấp thứ I: Xử lý lắng lọc tại hầm tự hoại trong mỗi hộ gia đình trước khi xả vào mạng lưới thoát nước bản.
 - + Cấp thứ II: Xử lý tập trung tại trạm xử lý theo tiêu chuẩn TCVN 6772 - 2000 trước khi xả ra rạch, sông.

7. Rác - Vệ sinh môi trường:

- Rác được thu gom hàng ngày do Công trình Đô thị đảm nhận và đưa đến bãi rác chung để xử lý tập trung.

- Mỗi nhà phải có 1 thùng rác có nắp đậy kín. Rác được khuyến khích phân loại theo tính chất vô cơ, độ rắn và sự phân hủy để thu gom và xử lý.

- Tổng lượng rác thải: 2.380 kg/ngày (1 kg/người/ngày).

8. Thông tin liên lạc:

- Lắp đặt tuyến cáp quang ngầm (có thể dùng phương thức truyền dẫn bằng Vi ba) từ bưu điện đến khu vực quy hoạch đến tủ cáp. Từ tủ cáp kéo tuyến cáp đến các hộp cáp chia số.

- Xây dựng tuyến cáp quang (đường ống + hố ga cáp) được chôn ngầm trên các trục đường trong khu quy hoạch.

- Tuyến cáp quang rẽ đi cặp theo đường lộ áp 3.

- Tuyến cáp ngầm khu vực (đến hộp chia số).

- Số lượng tủ cáp.

- Hộp cáp chia số.

- Dự trữ lượng máy: 833 máy. (35 thuê bao/100 dân)

9. Cây xanh:

- Trên vỉa hè đường phố trồng cây bóng mát, khoảng cách 10m/1 cây, tại các ngã ba, ngã tư, lưu ý không trồng cây làm che khuất tầm nhìn.

- Các loại cây dự kiến trồng như xà cừ, sao, viết, phượng vĩ, điệp vàng

- Trong các khu vườn hoa, công viên, trồng cây bóng mát, cây trang trí, bãi cỏ chiếm diện tích không nhỏ hơn 20% diện tích khu đất.

Điều 2. Công ty TNHH Nhựa Phước Thành, các ngành chức năng Huyện có liên quan và UBND xã Long Hậu thực hiện đúng theo nội dung đề nghị bổ sung của Phòng hạ tầng Kinh tế tại mục D, Tờ trình số 32/TTr-HTKT ngày 12/02/2007, cụ thể như sau:

1. Về hình thức trình bày:

Điều chỉnh tên cơ quan thẩm định là Phòng Hạ tầng Kinh tế huyện Cần Giuộc, cơ quan phê duyệt là UBND huyện Cần Giuộc (trong báo cáo thuyết minh và các bản đồ).

2. Về nội dung quy hoạch:

- Bổ sung bãi đậu xe, bố trí tại vị trí trung tâm, gần khu vực chợ;

- Diện tích đất quy hoạch dự án đề nghị điều chỉnh lại là 145.381m² (theo số liệu đo đạc của trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Long An lập được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, phê duyệt);

- Về khái toán kinh phí đầu tư: các đơn giá sử dụng để tính toán cần điều chỉnh lại cho phù hợp với giá thực tế, cụ thể tại các khoản mục: giao thông, cấp điện, cấp, thoát nước và trạm xử lý nước thải. Đối với tổng chi phí: bổ sung vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ cấu vào giá thành bình quân 1m² đất sau khi đầu tư hạ tầng kỹ thuật;

- Khi triển khai dự án, chủ đầu tư phải phối hợp chặt chẽ với các ngành: giao thông, tài nguyên và môi trường, điện lực, cấp nước, công trình đô thị, UBND xã Long Hậu và các ngành chức năng có liên quan khác để đảm bảo việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật dự án phù hợp và đồng bộ với các dự án liên kề;

- Chủ đầu tư dự án:

+ Kết hợp với đơn vị tư vấn dự thảo quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch trong khu vực dự án trình UBND Huyện quyết định ban hành làm cơ sở cho việc quản lý, thực hiện quy hoạch;

+ Tổ chức công bố quy hoạch để nhân dân được biết;

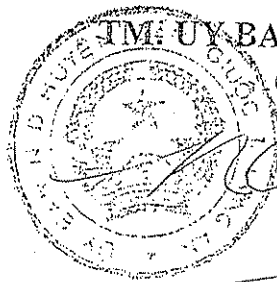
+ Lập dự án đầu tư trình duyệt theo đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng;

+ Triển khai xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND Huyện, trưởng phòng Hạ tầng Kinh tế, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Thủ trưởng các ngành chức năng Huyện có liên quan, Chủ tịch UBND xã Long Hậu và Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Phước Thành chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh(báo cáo)
- TT.HU;
- TT.HĐND, các Ban HĐND (Huyện);
- CT, PCT UBND Huyện;
- Như điều 3;
- NCUB;
- VP lưu.



**IM: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Nhuận

